TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐỨC PHỔ** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-7-2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hòa

2. Bà Nguyễn Duy Thị Anh Phương

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Hòa, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Ông Trần Phương Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 636/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Kim M, sinh năm 1994; địa chỉ: Xóm X, thôn L, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Anh Bùi Thái T, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn V, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị M và anh T vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2023, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 06/3/2023, các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim M trình bày:

Chị và anh Bùi Thái T tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 20/12/2018 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi. Sau một thời gian chung sống, chị và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hai

bên không hợp nhau cả về tư tưởng và cách sống, cùng với việc vợ chồng không có con nên cuộc sống hôn nhân rơi vào trầm trọng, không thể hàn gắn được. Từ tháng 01/2022 đến nay chị và anh T sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Thái T.

Về con chung, nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/6/2023, bị đơn anh Bùi Thái T trình bày:

Anh và chị Huỳnh Thị Kim M tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ (nay là thị xã Đ) vào tháng 12/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà anh, sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và cũng một phần do hai vợ chồng không có con. Anh và chị M sống ly thân từ tháng 01/2023 cho đến nay, không liên lạc hay quan tâm gì đến nhau. Nay chị M khởi kiện yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý.

Về con chung, nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim M. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Kim M được ly hôn anh Bùi Thái T; về con chung, nợ chung: Chị M và anh T trình bày không có nên không xem xét; về tài sản chung: Chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Chị M phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Huỳnh Thị Kim M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Bùi Thái T và trình bày vợ chồng không có con chung, nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung khi ly hôn. Do đó, cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Ly hôn*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại thời điểm chị Huỳnh Thị Kim M khởi kiện thì bị đơn anh Bùi Thái T có nơi cư trú tại Thôn V, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Huỳnh Thị Kim M và anh Bùi Thái T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi ngày 20/12/2018. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị Kim M và anh Bùi Thái T là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Kim M, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã nhiều lần động viên chị M và anh T đoàn tụ nhưng chị M cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, giữa chị và anh T không còn tình cảm vợ chồng nên vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Bùi Thái T cũng thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và xác định vợ chồng đang sống ly thân nhưng không đồng ý ly hôn, tuy nhiên, khi Tòa án tổ chức hòa giải để vợ chồng đoàn tụ thì anh T không tham gia và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; điều này thể hiện anh T không thật sự mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Từ những phân tích như trên, có căn cứ xác định hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị Kim M và anh Bùi Thái T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị M yêu cầu được ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung và nợ chung: Chị M và anh T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Huỳnh Thị Kim M phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị M đã nộp sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí chị M phải chịu.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Kim M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Kim M được ly hôn anh Bùi Thái T.

2. Về con chung và nợ chung: Chị M và anh T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Kim M phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005518 ngày 06/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí chị M phải chịu.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi Cục THADS thị xã Đức Phổ;
- UBND phường P;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Lê Phong